ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: 39/2015/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2013/QH13 ngày 21/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội tại Tờ trình số 8056/TTr- SXD ngày 03/9/2015 về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội và Báo cáo thẩm định số 2580/STP-VBPQ ngày 01/9/2015 của Sở Tư pháp về việc Báo cáo thẩm định Dự thảo Quyết định ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các phường, xã, thị trấn; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Hùng

QUY ĐỊNH

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(ban hành kèm theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 30/12 /2015 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều l. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, bảo trì công trình xây dựng và giải quyết sự cố công trình xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành thuộc Uỷ ban nhân dân Thành phố, ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (viết tắt là ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là ủy ban nhân dân cấp xã), phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện; chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC SỞ, NGÀNH

Điều 3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng trước khi chủ đầu tư đưa công trình vào sử dụng, bao gồm các công trình được quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này thi cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình. Cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành phối hợp kiểm tra khi được cơ quan chủ trì mời tham gia, có ý kiến bằng văn bản và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện.

3. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5, Khoản 3 Điều 6, Khoản 3 Điều 7, Khoản 2 Điều 8, Khoản 3 Điều 11 của Quy định này.

4. Đối với công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại Khoản 3 Điều này và chủ

đầu tư thực hiện theo nội dung kiểm tra, trình tự kiểm tra, chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình được quy định tại Khoản 3, 4 và Khoản 5 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Uỷ ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội, có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện các việc quy định tại Điểm a, b, c, d, i Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Giúp ủy ban nhân dân Thành phố quản lý chất lượng công trình dân dụng; công trình sản xuất vật liệu xây dựng; công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật, quy định tại Mục I; Khoản 1 Mục II; Khoản 7 Mục II và Mục III tại Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định Khoản 3 Điều 11 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc uỷ quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại Khoản 2 Điều này;

c) Công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng theo quy định tại Mục I, Khoản 11.1 và 11.7 Mục II, Mục III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Thẩm định thiết kế công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Nghị định quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và theo phân cấp của ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

6. Giúp ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Quy định này; Tham mưu giúp ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết sự cố quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Quy định này.

7. Kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác sử dụng, có trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 22 Quy định này.

8. Báo cáo ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

9. Tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành chủ trì và tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu

10. Giúp ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thực hiện quy định tại Khoản 1,4,6,1, 8, 9 Điều 4 của Quy định này.

2. Giúp ủy ban nhân dân Thành phố quản lý chất lượng công trình công nghiệp quy định tại Mục H Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP (trừ các cồng trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, công trình do Ban Quản lý Khu công nghiệp và chế xuất kiểm tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và công trình thuộc trách nhiệm kiểm tra của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định Khoản 3 Điều 11 của Quy định này:

a) Các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc uỷ quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Công tình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Các công trình công nghiệp cấp II trong khu công nghiệp và chế xuất, bao gồm: công trình luyện kim và cơ khí chế tạo, công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công trình dầu khí, công trình năng lượng, công trình hóa chất theo Phụ lục I Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Công trình cấp II có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Khoản 46/2015/NĐ-CP. II.2, II.3, II.4, II.5, II.6 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số

4. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Tổng hợp báo cáo ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện quy định tại Khoản 1, 4, 6, 7, 8, 9 Điều 4 của Quy định này.

2. Giúp ủy ban nhân dân Thành phố quản lý chất lượng công trình giao thông quy định tại Mục IV Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định Khoản 3 Điều 11 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc uỷ quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Mục IV Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Tổng hợp báo cáo ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện quy định tại Khoản 1,4,6,1, 8, 9 Điều 4 Quy định này.

2. Giúp ủy ban nhân dân Thành phố quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Mục V Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình chuyên ngành sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định Khoản 3 Điều 11 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và công trình vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc uỷ quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này

5. Tổng hợp báo cáo ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình cấp III trong khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội thuộc loại công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Khoản II.2, II.3, II.4, II.5, II.6 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Tổng hợp báo cáo Sở Công Thương định kỳ hàng năm vào ngày 25 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh toán (Tài chính, Kho bạc, Quỹ đầu tư phát triển thành phố)

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách theo qui định của Nhà nước và của ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi các công trình (hoặc hạng mục công trình) được thi công và nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và trong hồ sơ thanh quyết toán vốn đầu tư phải có văn bản Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA UBND CẤP HUYỆN, XÃ

Điều 10. Trách nhiệm của ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hướng dẫn ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng do mình quản lý được quy định tại Khoản 3 Điều 11 Quy định này

4. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 23 của Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp liên quan đến những hư hỏng công trình lân cận do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

6. Tổng hợp báo cáo ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 11. Trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện

1. Trình Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

2. Giúp ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại Khoản 1 đến Khoản 5 Điều 10 Quy định này.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, bao gồm: công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật trừ công trình xử lý chất thải rắn theo Phụ lục I Nghị định số 46/2015/NĐ-CP:

a) Công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn ngân sách nhà nước và công trình cấp III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật và do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư;

b) Công trình nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên thuộc cấp III.

4. Thẩm định thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và phân cấp của Thành phố.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng các công trình xây dựng do ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

6. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 106 Luật Xây dựng; kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biển báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho ủy ban nhân dân cấp

huyện và ủy ban nhân dân Thành phố về sự cố theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Quy định này.

4. Trường hợp phát hiện công trình, hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng, ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo cho ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện ngay các biện pháp xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu phụ lục 3 kèm theo Quy định này); định kỳ 6 tháng/1 lần báo cáo ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

6. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHẢO SÁT, THIẾT KẾ, THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 13. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng công trình

Lựa chọn các nhà thầu có đủ điều kiện năng lực để thực hiện các hoạt động xây dựng công trình từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, thí nghiệm, kiểm định xây dựng; chấp thuận các nhà thầu phụ tham gia hoạt động xây dựng công trình do nhà thầu chính hoặc tổng thầu xây dựng đề xuất theo quy định của hợp đồng. Thực hiện trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư tại các giai đoạn như sau:

1. Công tác quản lý chất lượng trong giai đoạn khảo sát xây dựng.

a) Thực hiện theo trình tự quản lý chất lượng khảo sát xây dựng được quy định tại Điều 11 Nghị định số 46/2015/ND-CP;

b) Lựa chọn nhà thầu lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Chủ đầu tư kiểm tra và phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng. Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng làm cơ sở cho việc phê duyệt;

d) Tổ chức giám sát chất lượng công tác khảo sát xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Nghiệm thu, phê duyệt, lưu trữ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng được quy định tại Điều 16 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Công tác quản lý chất lượng trong giai đoạn thiết kế xây dựng, công trình.

a) Tổ chức thực hiện theo trình tự quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 17 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Tổ chức lập hoặc thuê tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình phải phù hợp với báo cáo nghiên

cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình là căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập thiết kế xây dựng công trình. Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức tư vấn, chuyên gia góp ý hoặc thẩm tra nhiệm vụ thiết kế khi cần thiết;

c) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 38, Khoản 8 Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Thực hiện thẩm định, thẩm tra, phê duyệt, nghiệm thu, lưu trữ thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 22 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Có trách nhiệm lựa chọn tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình có đủ điều kiện, năng lực thực hiện và kiểm tra, giám sát công việc tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình

a) Tổ chức thực hiện theo trình tự quản lý chất lượng thi công xây dựng được quy định tại Điều 23 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Kiểm tra, chấp thuận các nội dung trong công tác quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình được quy định tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Thông báo khởi công công trình bằng văn bản cho ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 106 Luật Xây dựng;

d) Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa chủ đầu tư và các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trong trường hợp chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Phối hợp với các nhà thầu thi công xây dựng có liên quan tổ chức thực hiện nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 30, 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

e) Đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy định này, ngay sau khi khởi công chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 11 của Quy định này và các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP về các thông tin sau: tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến;

f) Các bộ phận, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định. Riêng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy định này còn phải được các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 11 của Quy định này và các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;

g) Tối thiểu trước 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I hoặc trước 10 ngày đối với các công trình còn lại so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu theo quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 11 Quy định này vả các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP để tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;

h) Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Tổ chức bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng được quy định tại Điều 34 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Trách nhiệm trong công tác bảo hành công trình xây dựng.

a) Thời gian bảo hành đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp được tính kể từ khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng được quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 35 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Đối với công trình sử dụng vốn nhà nước, mức tiền bảo hành tối thiểu được quy định tại Khoản 7 Điều 35 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Chủ đầu tư có trách nhiệm yêu cầu các nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện bảo hành công trình xây dựng, thực hiện việc kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng được quy định tại Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

6. Khi xảy ra sự cố trong thi công xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm: báo cáo sự cố, tham gia giải quyết sự cố, lập hồ sơ sự cố theo quy định tại Điều 23 của Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát xây dựng

1. Thực hiện trình tự quản lý chất lượng khảo sát xây dựng được quy định tại Điều 11 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Nhà thầu khảo sát có trách nhiệm bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát theo quy định của hợp đồng thực hiện khảo sát; cử người có đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm khảo sát và tổ chức thực hiện biện pháp kiểm soát chất lượng quy định tại phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng.

4. Lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo nội dung được quy định tại Điều 15 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP

5. Phối hợp với chủ đầu tư nghiệm thu, phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát xây dựng và chịu trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng được quy định tại định số 46/2015/NĐ-CP. Nghị Điều 16

Điều 15. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình

1. Nhà thầu thiết kế có trách nhiệm Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi chủ đầu tư yêu cầu.

2. Nội dung của nhiệm vụ khảo sát xây dựng; sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng được quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 12 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong quá trình thiết kế xây dựng, bao gồm:

a) Thực hiện trình tự quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 17 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Lập nhiệm vụ thiết kế khi chủ đầu tư yêu cầu theo nội dung được quy định tại Khoản 3, 4 Điều 18 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Lập Chỉ dẫn kỹ thuật khi chủ đầu tư yêu cầu được quy định tại Điều 19 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Quản lý chất lượng công tác thiết kế xây dựng được quy định tại Điều 20 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Thiết kế công trình xây dựng theo quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 21 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

e) Có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

f) Phối hợp với chủ đầu tư thực hiện công tác thẩm định, thẩm tra, phê duyệt, nghiệm thu, lưu trữ thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 22 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

4. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình được quy định tại Điều 28 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thực hiện theo các nội dung giám sát thi công xây dựng công trình được quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 46/2015/ND-CP.

2. Trách nhiệm nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình đối với công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách được quy định tại Khoản 5 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm thực hiện giám sát thi công xây dựng trong trường hợp chủ đầu tư được quyền tự thực hiện giám sát thi công xây dựng áp dụng loại hợp đồng tổng thầu thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (tổng thầu EPC) hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay được quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng

1. Trách nhiệm quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

11. Nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện bảo hành công trình xây dựng được quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 13 của Quy định này.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bên giao thầu

1. Trách nhiệm quản lý chất lượng của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bên giao thầu được quy định tại Điều 24 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bên giao thầu thực hiện bảo hành chất lượng vật liệu, cấu kiện và thiết bị do mình cung cấp, lắp đặt được quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 13 của Quy định này.

3. Lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

Điều 19. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình xây dựng

l. Nhà thầu kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình theo quy định.

2. Lập đề cương kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận và tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận; Lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định.

3. Thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng trong các trường hợp được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 29 Nghị dinh số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ sở quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Khi được quyết định công nhận Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cơ sở quản lý Phòng thí nghiệm phải gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng kèm bản sao quyết định công nhận và danh mục các phép thử kèm theo.

2. Thực hiện theo Hợp đồng các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng hoặc lắp đặt vào công trình, xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu của thiết kế, đảm bảo tính khách quan và tính chính xác của các phép thử theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

3. Cơ sở quản lý Phòng thí nghiệm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức và quản lý hoạt động của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận.

Chương V

TRÁCH NHIỆM BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CHỊU LỰC VÀ AN TOÀN VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG, XỬ LÝ CÔNG TRÌNH CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM HOẶC HẾT HẠN SỬ DỤNG CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG TIẾP

Điều 21. Trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng trong công tác bảo trì công trình xây dựng; Đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn khai thác sử dụng; Xử lý công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Tổ chức thực hiện theo trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điều 37 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình xây dựng nếu thấy cần thiết. Trong quy trình bảo trì phải quy định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình.

3. Có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì, tổ chức thực hiện bảo trì, quản lý chất lượng công việc bảo trì, chi phí bảo trì công trình xây dựng được quy định từ Điều 39 đến Điều 42 Nghị dinh số 46/2015/NĐ-CP.

4. Tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình đối với các công trình và theo nội dung đánh giá được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 43 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và gửi kết quả đánh giá đến cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 22 của Quy định này.

5. Có trách nhiệm phối hợp với chính quyền cấp xã, cấp huyện xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn sử dụng được quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 5 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

6. Thực hiện các công việc đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp theo quy định tại Khoản 1, 4, 5 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình (nếu có) với cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 22 của Quy định này để được xem xét và chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với công trình quy định tại Phụ lục II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 22. Thẩm quyền kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Thẩm quyền kiểm tra công tác đánh giá an toàn toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng:

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng công trình đối với công trình chuyện ngành từ cấp II trở xuống theo chuyên ngành quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7 Quy định này;

2. Trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành giúp ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp đối với công trình chuyên ngành cấp I, II thuộc phạm vi của

Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7 của Quy định này. Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp đối với công trình còn lại trên địa bàn;

b) Riêng đối với nhà ở, thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Chương VI

SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 23. Phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; Báo cáo sự cố công trình xây dựng; Giải quyết sự cố công trình xây dựng; Hồ sơ sự cố công trình xây dựng

1. Phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng; hồ sơ sự cố công trình xây dựng được quy định tại Điều 46, 47 và Điều 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Giải quyết sự cố, phân cấp trách nhiệm giải quyết sự cố công trình xây dựng.

a) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng, nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Các Sở quản lý công trình chuyên ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu giúp ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết sự cố cấp I, II; Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết sự cố cấp III và thực hiện các công việc quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 24. Thẩm quyền giúp ủy ban nhân dân Thành phố giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng.

1. Thẩm quyền giúp ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III công trình xây dựng, quy định như sau:

a) Sở Xây dựng giúp ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Quy định này;

b) Sở quản lý công trình chuyên ngành phối hợp với Sở Xây dựng giúp ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành do các Sở quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7 của Quy định này;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ. Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể đề nghị Sở Xây dựng phối hợp thực hiện trong việc tổ chức giám định nguyên nhân sự cố;

d) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan giúp ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đề xuất ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố các công trình chuyên ngành.

2. Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố, chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố, hồ sơ sự cố công trình được quy định tại Khoản 3, 4 Điều 49 và Điều 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Xử lý chuyển tiếp

Công trình khởi công trước ngày 01/7/2015 việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành theo Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của ủy bàn nhân dân thành phố Hà Nội.

Công trình khởi công sau ngày 01/7/2015 việc kiểm tra công tác nghiệm thu đối với chủ đầu tư trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Quy định này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ngành: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước và Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC 1

(kèm theo Quy định Trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 34/12 /2015 của UBND thành phố Hà Nội)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày…tháng. ..năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CHUYỂN GIAI ĐOẠN THI CÔNG/HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH/ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Công trình..... Thuộc dự án.....

Hạng mục công trình.....

Địa điểm xây dựng.....

Thời gian kiểm tra

Bắt đầu h ,ngày tháng năm 201...

Kết thúc h ,ngày tháng năm 201...

Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: tên của cơ quan, đơn vị

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

Đại diện Nhà thầu giám sát thi công xây dựng: tên của nhà thầu

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

Đại diện nhà thầu thi công xây dựng: tên của nhà thầu

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

- Đại diện cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu(1)

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

Đã tiến hành những việc sau :

- Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng (2).....

đã lập giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng;

- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng

.....

.....

- Kiểm tra thực tế việc thi công trên công trình.

Sau khi kiểm tra, xem xét và trao đổi, các bên tham gia thống nhất kết luận:

1. Nhận xét về hiện trạng chất lượng công trình/hạng mục công trình.

2. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo quy định

3. Kết luận:

Chấp thuận/hoặc chấp thuận có điều kiện để chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công/hoặc ý kiến với chủ đầu tư về việc tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình/công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

4. Các ý kiến khác nếu có:

- Nếu hồ sơ nghiệm thu chưa đủ thì yêu cầu chủ đầu tư bổ sung để hoàn chỉnh nghiệm thu (nêu cụ thể về hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng)

- Chủ đầu tư gửi Biên bản này cùng với Báo cáo hoàn thành đưa công trình xây dựng vào sử dụng cho cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu.

Đại diện Chủ đầu tư	Đại diện Nhà thầu giám sát thi công xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)	(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
Đại diện	Đại diện Sở...
Nhà thầu thi công xây dựng	(... hoặc Phòng... cấp huyện)
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)	(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp & Chế xuất Hà Nội hoặc Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc ủy ban dân dân cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu:

(2) Danh mục hồ sơ, tài liệu thiết lập ở giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng/hoàn thành hạng mục công trình/công trình xây dựng được lập trên cơ sở những hồ sơ đã thực hiện theo quy định.

PHỤ LỤC 2

(kèm theo Quy định Trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 39 /2015/QĐ-UBND ngày 3012/2015 của UBND thành phố Hà Nội)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày…tháng. ..năm

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU ĐƯA HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH/CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG

Kính gửi:..... (tên chủ đầu tư)

- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số: /2015/TT-BXD ngày tháng năm của Bộ trưởng

Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số …..... /2015/QĐ-UBND ngày ..... 2015 của UBND thành phố Hà Nội;

- Căn cứ báo cáo hoàn thành hạng mục công trình/công trình xây dựng tại văn bản số… ngày … tháng ... năm của (tên chủ đầu tư)

- Căn cứ biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu đưa hạng mục công trình/công trình xây dựng vào sử dụng tại hiện trường giữa (2) ngày ... tháng ... năm

Sau khi kiểm tra, ... (1)..... thông báo kết quả kiểm tra hạng mục công trình/công trình..... (tên hạng mục công trình/công trình)..... hoàn thành trước khi đưa vào sử dụng như sau:

1. Nhận xét về hiện trạng chất lượng hạng mục công trình/công trình xây dựng.

2. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định

3. Kết luận:

Đồng ý/Không đồng ý cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa hạng mục công trình/công trình vào sử dụng.

4. Các ý kiến khác (nếu có):

..... (1).....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:…

(1) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư.

(2) Đại diện: cơ quan chuyên món về xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia xây dựng công trình

PHỤ LỤC 3

(kèm theo Quy định Trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội, ban hành theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày /12/2015 của UBND thành phố Hà Nội)

UBND cấp xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----

ngày.... tháng... năm 201...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Định kỳ 6 tháng/lần, vào ngày 15/6 và 15/11 hàng năm)

Kính gửi: Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện ...

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng ban hành theo

Quyết định số..... /2015/QĐ-UBND của ủy ban dân dân Thành phố, ủy ban dân dân cấp xã.... báo cáo tình hình khởi công công trình xây dựng trên địa bàn trong 6 tháng như sau:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng mức đầu tư	Tên Chủ đầu tư/Địa chỉ và điện thoại liên hệ/Cấp Quyết định đầu tư	Cấp công trình/Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Giấy phép xây dựng số	Tên nhà thầu khảo sát địa chất công trình	Tên nhà thầu tư vấn thiết kế	Tên nhà thầu TVGS	Tên nhà thầu thi công XD	Ngày/tháng /năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
1										

TM. UBND
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)